TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 20-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Cường
2. Ông Nguyễn Hữu Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/3/1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N và bà Lê Thị G; có chồng là Nguyễn Văn L và có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

- *Bị hại*: Chị Phạm Thị Điệp, sinh năm: 1993, trú tại: Thôn Khế Xá, xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/11/2017, chị Phạm Thị Đ gặp Nguyễn Thị T tại khu vực nhà để xe của công ty may Việt Nhật ở khu công nghiệp Phú Bài, thuộc phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, chị Đ lấy tiền để trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 75H1-163.06 và hỏi T để đổi tiền lẻ. Sau đó chị Đ cất toàn bộ số tiền 13.091.000 đồng vào lại cốp xe mô tô rồi đi vào công ty làm việc. Thấy chị Đ có nhiều tiền, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng giờ đi ăn cơm, T lấy chìa khoá xe mô tô trong túi áo khoác của chị Đ để dưới hộc bàn máy may. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T đi đến chỗ để xe mô tô biển kiểm soát 75H1-163.06 của chị Đ, mở cốp xe và lấy số tiền 13.091.000 đồng. Sau

khi lấy được tiền, T treo chìa khoá xe của chị Đ khu vực tủ để tư trang của công nhân và tiếp tục vào làm việc.

Hết giờ làm việc, chị Đ phát hiện mất chìa khoá xe mô tô, nên đi tìm. Sau đó ra mở cốp xe thì phát hiện tiền để trong cốp xe bị mất nên đã trình báo với cơ quan Công an.

Nguyễn Thị T sau khi chiếm đoạt được tiền, đã sử dụng số tiền 1.773.000đ trả góp tiền mua xe mô tô; đóng học phí cho con số tiền 818.000đ; mua thuốc số tiền 470.000đ. Còn lại số tiền 10.030.000đ. Sợ bị phát hiện nên T đã viết một tờ giấy với nội dung thừa nhận lấy tiền của chị Đ nhưng không ghi tên mình. Sau đó đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/11/2017, T vào công ty để tờ giấy trên và số tiền 10.000.000 đồng vào hộc bàn máy may của chị Đ. Khoảng 8 giờ cùng ngày, chị Đ phát hiện trong hộc bàn máy may của mình có 01 tờ giấy và số tiền trên nên đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ được gồm: Số tiền 10.000.000 đồng, 01 (một) tờ giấy với nội dung T thừa nhận lấy tiền của chị Đ.

Cáo trạng số: 24/CT-VKSHTh ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị hại: Chị Phạm Thị Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có ai khiếu nại nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo thấy rằng: Vào khoảng 12 giờ ngày 13/11/2017 tại khu vực nhà để xe của công ty may Việt Nhật ở khu công nghiệp Phú Bài, thuộc

phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Nguyễn Thị T đã lợi dụng sơ hở của bị hại, có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 13.091.000đ của chị Phạm Thị Đ. Với hành vi và hậu quả nêu trên bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi chiếm đoạt được số tiền 13.091.000đ, bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền 10.000.000đ để khắc phục hậu quả và đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 3.091.000đ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét loại hình phạt và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo Nguyễn Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*", tuy nhiên xét bị cáo có nghề nghiệp nhưng thu nhập thấp, nguyên nhân động cơ dẫn đến bị cáo phạm tội là do thiếu tiền để trang trải cuộc sống gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị Phạm Thị Đ đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 10.000.000đ cho chị Phạm Thị Đ. Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy là đúng, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 (một) tờ giấy với nội dung T thừa nhận lấy tiền của chị Đ, đây là vật chứng đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Xuân Huế

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;VKSND tỉnh;*
- *VKSND TX. Hương Thuỷ;*
- *Công an TX. Hương Thuỷ;*
- *Nhà tạm giữ CA TX.Hương Thủy;*
- *THADS TX. Hương Thuỷ;*
- *Bị cáo; Bị hại*
- *Lưu HSVA.*